

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

Vũ Thu, ngày 18 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Ngọc Thành

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Phạm Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/TB-TA ngày 27 tháng 3 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị Y, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn Đ – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã S.

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Bà Bùi Thị Y, ông Phạm Văn Đ và Đại diện Ủy ban nhân dân xã S đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên họp)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Khoảng năm 1980 ông Phạm Văn Đ kết hôn với bà Lý Thị H, sinh năm 1956; trú tại: Thôn K, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K (nay là xã V, thành phố T). Ngày 04 tháng 6 năm 2014, bà Lý Thị H chết.

Ngày 18/11/2014 ông Đ đăng ký kết hôn với bà Đỗ Thị D, sinh năm 1963; trú tại: Thôn 2, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông Phạm Văn Đ chưa ly hôn với bà Đỗ Thị D.

Đầu năm 2016, ông Đ có gặp gỡ và phát sinh tình cảm với bà Bùi Thị Y. Ngày 18/4/2016 ông Đ và bà Y đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký kết hôn, bà Y và ông Đ đã nộp: Tờ khai đăng ký kết hôn; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 27/2016/UBND-XNTTHN do Ủy ban nhân dân xã V cấp ngày 11/4/2016 (nội dung giấy xác nhận thể hiện: Đến ngày 14/4/2016 ông Phạm Văn Đ chưa đăng ký kết hôn lần nào); bản photocopy chứng thực Giấy chứng tử số 29/2014/Quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2014); Trích lục khai tử bản sao số 73/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/4/2016; Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân của ông Đ, bà Y (có bản chính để đối chiếu). Sau khi nhận đầy đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội, Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình đã tiến hành đăng ký kết hôn cho bà Bùi Thị Y và ông Phạm Văn Đ theo đúng quy định, trao cho bà Y và ông Đ 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 18/4/2016.

Đến đầu năm 2018, bà Y phát hiện ra ông Đ đã có vợ nhưng ông Đ chưa ly hôn bà Đỗ Thị D và cũng không có ý định ly hôn vợ để sống với bà Y. Hiện nay, ông Đ đã về chung sống hẳn với bà Đỗ Thị D, không còn chung

sống, qua lại với bà Y nữa. Ngày 26/3/2019, bà Bùi Thị Y có đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình hủy kết hôn trái pháp luật đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 ngày 18/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

Ông Phạm Văn Đ đồng ý với việc bà Bùi Thị Y yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và đề nghị Tòa án chấp nhận. Hiện nay ông vẫn chưa ly hôn với bà D, ông đã không còn qua lại và có quan hệ gì với bà Y nữa.

Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, bà Bùi Thị Y và ông Phạm Văn Đ không có con chung, không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, do đó ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Bà Bùi Thị Y nộp đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là việc dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Bà Bùi Thị Y, ông Phạm Văn Đ và Đại diện Ủy ban nhân dân xã S đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự, căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp theo trình tự vắng mặt bà Bùi Thị Y, ông Phạm Văn Đ và Đại diện Ủy ban nhân dân xã S.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Năm 2014 ông Đ đăng ký kết hôn với bà Đỗ Thị D, sinh năm 1963; trú tại: Thôn 2, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V,

tỉnh Thái Bình. Ông Phạm Văn Đ chưa ly hôn với bà Đỗ Thị D. Ngày 18/4/2016 ông Đ và bà Y đến Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Để chứng minh tình trạng hôn nhân, ông Đ đã nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 27/2016/UBND-XNTTHN do Ủy ban nhân dân xã V cấp ngày 11/4/2016, nội dung là để kết hôn với bà Bùi Thị Y; bản photocopy chứng thực Giấy chứng tử số 29/2014/ Quyền số 02 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/6/2014). Ngày 18/4/2016, Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình đã đăng ký kết hôn cho bà Y và ông Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 ngày 18/4/2016. Xét thấy, để hoàn thiện hồ sơ đăng ký kết hôn với bà Bùi Thị Y, ông Đ đã khai báo không trung thực về tình trạng hôn nhân với Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân xã V chưa xác minh làm rõ tình trạng hôn nhân của ông Đ nên đã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho ông Đ để kết hôn với bà Y. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Y về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Bùi Thị Y và ông Phạm Văn Đ.

[2.2] Bà Bùi Thị Y và ông Phạm Văn Đ không có con chung, không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, do đó Tòa án không giải quyết.

[2.3] Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 371, khoản 1 Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.4] Về lệ phí giải quyết, theo quy định tại Điều 36, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bà Bùi Thị Y phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 367, Điều 371, khoản 1 Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm c khoản 2 Điều 5; Điều 10; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Y.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tại Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 ngày 18 tháng 4 năm 2019 đối với bà Bùi Thị Y và ông Phạm Văn Đ.

3. Về lệ phí Tòa án: Bà Bùi Thị Y phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003306 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

4. Bà Bùi Thị Y, Ủy ban nhân dân xã S, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình và ông Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định; Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quyền kháng nghị trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân tỉnh Thái Bình có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư;
- Bà Bùi Thị Y;
- Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình và ông Phạm Văn Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Ngọc Thành